

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**
Bản án số: **30/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 18 – 3 - 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*“V/v tranh chấp: Xin ly hôn,
nuôi con”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Các Hội thẩm Nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thận và ông Nguyễn Văn Quyền.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan, Thư ký Tòa án
Nhân dân huyện Phong Điền.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế:

Bà Nguyễn Thị Phương, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại hội trường Tòa án Nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 92/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020; về việc “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX-ST ngày 22/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày: 04/10/1985; Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày: 24/11/1985; Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn ngày 21/10/2020, trong bản tự khai ngày 09/11/2020 và các biên bản hòa giải ngày 18/11/2020 và 25/11/2020 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2006 và đăng ký kết hôn vào ngày 20/6/2007 tại UBND xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với bố mẹ của chị L ở tại thôn S, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế có thời gian hạnh phúc được khoảng 6 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và có vài lần đánh đập nhau.

Do vợ chồng mâu thuẫn quá trầm trọng nên ngày 22/5/2020 chị L đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án, qua quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án số 88/2020/QĐST- HNGĐ ngày 28/8/2020. Tuy nhiên sau khi về chung sống với nhau vợ chồng vẫn không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con là: Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 13/10/2007 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 21/11/2012.

Chị L đề nghị giao cháu H cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; còn cháu H1 giao cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vì anh Q và chị L mỗi người nuôi một cháu nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lan xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/11/2020 và các biên bản hòa giải ngày 18/11/2020 và 25/11/2020 bị đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Về điều kiện và hoàn cảnh kết hôn là hoàn toàn đúng. Sau khi cưới nhau vợ chồng đã nảy sinh rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm, chị L hay đi chơi, vì quá thương vợ nên đôi khi anh cũng có ghen tuông vô cớ, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và có vài lần đánh đập nhau, tuy nhiên hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị L, nên việc chị L xin ly hôn với anh, thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh Q xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 13/10/2007 và cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 21/11/2012. Anh Q đồng ý giao cháu H cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Còn cháu H1, anh Q yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do mỗi người nuôi một cháu nên anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại bản tự khai ngày 18/11/2020 anh Q trình bày vợ chồng có một số tài sản chung và nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên tại biên bản hoà giải ngày 18/11/ 2020 và 25/11/2020 thì anh Q cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền có ý kiến:

Đối với quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã thực

hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội Đồng tiếp tục xét xử.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q do trình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng đã quá trầm trọng không thể hàn gắn.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 13/10/2007 cho chị Nguyễn Thị L và cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 21/11/2012 cho anh Nguyễn Văn Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Do mỗi người nuôi một con và không ai yêu cầu nên không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung; nợ chung hai đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Án phí ly hôn chị L phải chịu theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào 20/6/2007 tại UBND xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội Đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2006 và đăng ký kết hôn vào ngày 20/6/2007 tại UBND xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị L, thấy rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau có thời gian hạnh phúc được khoảng 06 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, và có vài lần đánh đập nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn quá trầm trọng nên trước đó ngày 22/5/2020 chị L đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án, quá trình giải quyết vụ án, qua hòa giải nhiều lần chị L đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên sau khi về chung sống với nhau vợ chồng vẫn không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và không thể hàn gắn. Nên chị L cương quyết xin được ly hôn với anh Q.

Phía anh Q, qua những lần hoà giải, anh Q mong muốn vợ chồng chung sống

hòa thuận với nhau. Tuy nhiên anh Q vẫn không có giải pháp cụ thể nào để khắc phục những bất đồng trong cuộc sống vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian dài hai người đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau nữa, mâu thuẫn của vợ chồng chị L và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn với anh Q.

[3] Về con chung: Trong quá trình hôn nhân chị L và anh Q đã có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 13/10/2007 và cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 21/11/2012. Tại biên bản hoà giải ngày 18/11/2020 và 25/11/2020 theo nguyện vọng của cháu H và H1, chị L và anh Q cũng đã thoả thuận giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H sinh ngày 13/10/2007 cho chị Nguyễn Thị L và cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 21/11/2012 cho anh Nguyễn Văn Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự cũng không thay đổi ý kiến về việc nuôi con, vì vậy cần giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H sinh ngày 13/10/2007 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 21/11/2012 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị L và anh Q đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Tại phiên tòa chị L và anh Q đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Ly hôn: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 và điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H sinh ngày 13/10/2007 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; còn cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 21/11/2012 giao cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị L và anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị L và anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0000986 ngày 02/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị L đã nộp đủ án phí.

Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt